TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2023/HS-ST
Ngày 21/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngạch; ông Nguyễn Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2023 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 28/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 07/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T; sinh ngày: 10/6/1984; sinh quán: Xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1942 và bà H Thị H, sinh năm 1947; vợ chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (Đã ly hôn): con: Có hai con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 1013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 tại Trại giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, đến ngày 20/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Võ Quốc H - Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Buôn bán. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/01/2023, Lê Văn T đến nhà anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1967, trú tại thôn 1, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh chơi. Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2023, T mượn xe mô tô biển kiểm soát 38Y1-2681 của anh Đ đến chợ huyện H để mua sắm đồ dùng cá nhân. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, T đến quán bán thịt nướng của chị Trần Thị N, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố 03, thị trấn H để hỏi mua thịt thì chị N trả lời khoảng 10 giờ mới có nên T ra về, khi đang đẩy lùi xe thì T phát hiện một chiếc ví da màu nâu đặt tại hốc để đồ phía trước bên trái xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng của chị N đang dựng ở sân quán nên nảy sinh ý định lấy trộm. T lấy trộm chiếc ví da rồi điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường. Khi về cách nhà anh Đ khoảng 30 mét thì T lấy chiếc ví vừa trộm được cất dấu ở túi áo khoác bên trái rồi về nhà anh Đ nằm nghỉ đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì ra đón xe khách "H Hồng" đi về tỉnh Nghệ An. Khi đang ngồi trên xe khách T lấy chiếc ví vừa trộm được để kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền 3.227.000 Đ gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau và 04 thẻ ngân hàng ATM. Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, khi T đến thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì chị Lê Thị H, sinh năm 1976 (là vợ anh Đ) gọi điện và nhắn tin cho T hỏi về việc lấy trộm, thì được T cho biết có lấy trộm tiền ở quán thịt nướng gần chợ huyện H. Sau đó, T đã gửi chiếc ví cùng toàn bộ tài sản lấy được cho xe khách "H Hồng" về huyện H rồi nhờ chị H nhận và trả lại cho bị hại nhưng chị H không Đ ý và yêu cầu T quay trở lại H. Khoảng 22 giờ 30 phút, T đi taxi vào đến nhà anh Đ rồi được anh Đ chở đến nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 12, thị trấn H là chủ nhà xe "H Hồng" lấy chiếc ví rồi đến cơ quan Công an làm việc và giao nộp toàn bộ tài sản trộm được.

Về vật chứng: 01 chiếc ví da màu nâu, kích thước 10,5x8,5×3,5cm, không có nhãn hiệu; Số tiền 3.227.000 Đ; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank có số thẻ 9704150131365739 và 01 thẻ ngân hàng Agribank có số thẻ 9704051005686863 đều mang tên TRAN CONG T; 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank có số thẻ 9704050815728915 và 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank có số thẻ 4221998697957620 đều mang tên TRAN THI N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Click, màu đỏ đen; biển kiểm soát 38Y1-2681, số khung RLHJF1600AY773695, số máy JF18E0226028, xe đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định chiếc ví da màu nâu, số tiền 3.227.000 Đ và 04 thẻ ngân hàng là tài sản của chị Trần Thị N và anh Trần Công Tùng; chiếc xe mô

tô hiệu Click là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Xuân Đ nên đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Bị hại chị Trần Thị N đã nhận lại toàn tài sản bị mất nên không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-HK ngày 21/3/2023 của Viện trưởng VKSND huyện H truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn T đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung trên. Bị cáo không kêu oan, không tranh luận gì và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp N của khung hình phạt, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo là lao động chính hiện đang nuôi dưỡng cha, mẹ già và hai con còn ăn học, vợ đã ly hôn, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo. Đ thời đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Đ thời, đề nghị bị cáo là hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI Đ XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội Đ xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20/01/2023, tại quán bán thịt nướng của chị Trần Thị N thuộc tổ dân phố 03, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản nên Lê Văn T đã có hành vi lấy trộm 01 chiếc ví da màu nâu bên trong có số tiền

3.227.000 Đ và 04 thẻ ngân hàng của chị N nên hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm đến quyền sở hữu, quản lý tài tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Cáo trạng số: 18/CT-VKS-HK ngày 21/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; Tự nguyện sữa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét bị cáo Lê Văn T không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có nhân thân xấu; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là lao động chính trong gia đình, vợ đã ly hôn đang phải nuôi dưỡng cha, mẹ già và hai con còn ăn học; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có nơi cư trú rõ ràng. Do đó Hội Đ xét xử cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và ý kiến trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo được giáo dục, cải tạo tại địa phương là phù hợp.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội Đ xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp, là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật, nên Hội Đ xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí, do đó miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- THA Hình sự;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Phú

THÀNH VIÊN HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngạch **Nguyễn Văn Việt** **Lê Văn Phú**